

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)
Công ty thành viên của JPA International
Trụ sở chính : 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, Tp.HCM
Tel : +84 (28) 3859 4168 Fax : +84 (28) 3859 2285
Email : contact@vietvalues.com Website : www.vietvalues.com



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TRÀ VINH

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Chủ tịch Công ty	02 - 04
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	05 - 06
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	07 - 08
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	09
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	10
6. Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	11 - 24



BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH CÔNG TY

Chủ tịch Công ty TNHH MTV Quản lý Khai thác Công trình Thủy lợi Trà Vinh đề trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán của Công ty.

1. Khái quát về Công ty

Công ty TNHH MTV Quản lý Khai thác Công trình Thủy lợi Trà Vinh (sau đây gọi là Công ty) là doanh nghiệp Nhà nước được chuyển đổi từ Công ty Quản lý Khai thác Công trình Thủy lợi Trà Vinh theo Quyết định số 314/QĐ-UBND ngày 13 tháng 03 năm 2009 của UBND tỉnh Trà Vinh.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2100234245 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Trà Vinh cấp ngày 26 tháng 03 năm 2009.

Trong quá trình hoạt động, Công ty có thực hiện thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần 09 thay đổi ngày 04 tháng 12 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Trà Vinh cấp.

Vốn điều lệ : 3.287.503.815.798 đồng (Ba ngàn hai trăm tám mươi bảy tỷ, năm trăm lẻ ba triệu, tám trăm mười lăm ngàn, bảy trăm chín mươi tám đồng).

2. Trụ sở hoạt động

Địa chỉ trụ sở chính : Số 10, đường Bạch Đằng, ấp Long Bình, phường 4, Tp. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Điện thoại : +84 (294) 385 3280

Mã số thuế : 2 1 0 0 2 3 4 2 4 5

3. Ngành nghề kinh doanh

- Hoạt động công ích: Tổ chức quản lý, khai thác công trình và hệ thống công trình thủy lợi trong tỉnh đảm bảo yêu cầu phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, trang trại, nuôi thủy sản và dân sinh trên địa bàn tỉnh. Cải tạo, duy tu, sửa chữa, nâng cấp các công trình hệ thống thủy lợi được giao quản lý. Làm chủ đầu tư sửa chữa các công trình bằng nguồn vốn hỗ trợ sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi;
- Hoạt động sản xuất kinh doanh: Tư vấn, khảo sát thiết kế, lập dự án đầu tư các công trình thủy lợi. Thi công các công trình thủy lợi.

4. Chủ tịch Công ty, Kiểm soát viên và Ban Giám đốc

Chủ tịch công ty, các thành viên Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

4.1 Chủ tịch Công ty

Chủ tịch Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này là:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Tô Ngọc Bình	Chủ tịch Công ty	11/11/2024	
Ông Lê Phước Dũng	Chủ tịch Công ty		11/11/2024

4.2 Kiểm soát viên

Kiểm soát viên trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này là bà Dương Thị Bé Hai.

4.3 Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Lê Phước Dũng	Giám đốc		
Ông Nguyễn Văn Thành	Phó Giám đốc	29/11/2024	
Ông Lê Ngọc Nhiễm	Phó Giám đốc		14/06/2024

5. Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Tô Ngọc Bình	Chủ tịch Công ty	11/11/2024	
Ông Lê Phước Dũng	Chủ tịch Công ty		11/11/2024

6. Đánh giá tình hình hoạt động

Kết quả hoạt động và tình hình tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 07 đến trang 24.

7. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Theo ý kiến của Chủ tịch Công ty, Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc kỳ kế toán cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

8. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty.

9. Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

10. Phê duyệt Báo cáo tài chính

Chủ tịch Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Kiểm toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Trà Vinh, ngày 24 tháng 3 năm 2025.



TÔ NGỌC BÌNH

Chủ tịch Công ty



Số: 2180/25/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CHỦ TỊCH VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ KHAI THÁC CÔNG TRÌNH
THỦY LỢI TRÀ VINH**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Quản lý Khai thác Công trình Thủy lợi Trà Vinh (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 24 tháng 3 năm 2025 (từ trang 07 đến trang 24), bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Quản lý Khai thác Công trình Thủy lợi Trà Vinh tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 3 năm 2025.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - VIETVALUES



Trần Văn Hiệp – Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 2141-2023-071-1
Chữ ký được ủy quyền

Hoàng Thái Tân – Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 2817-2025-071-1

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu **VIETVALUES**

3128
CÔNG
NHIỆ
TOÁN
UÂN
TP.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

ĐVT: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A- TÀI SẢN NGẮN HẠN		29.969.078.523	27.581.258.694
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	29.491.262.526	20.527.088.404
111	1. Tiền		29.491.262.526	20.527.088.404
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		477.815.997	7.054.170.290
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.2	200.347.000	300.347.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.3	477.815.997	7.054.170.290
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	V.4	(200.347.000)	(300.347.000)
140	IV. Hàng tồn kho	V.5	-	-
141	1. Hàng tồn kho		29.021.381	29.021.381
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(29.021.381)	(29.021.381)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		-	-
200	B- TÀI SẢN DÀI HẠN		3.282.900.321.360	2.279.793.445.067
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		3.282.900.321.360	2.279.793.445.067
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.6	3.281.897.195.760	2.278.539.538.067
222	- Nguyên giá		3.286.725.546.606	2.283.211.936.073
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(4.828.350.846)	(4.672.398.006)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.7	1.003.125.600	1.253.907.000
228	- Nguyên giá		1.253.907.000	1.253.907.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(250.781.400)	-
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		-	-
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		-	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)		3.312.869.399.883	2.307.374.703.761

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TRÀ VINH

Địa chỉ: Ấp Long Bình B, đường Bạch Đằng, phường 4, Tp Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	A- NỢ PHẢI TRẢ		25.180.091.255	22.158.553.348
310	I. Nợ ngắn hạn		25.180.091.255	22.158.553.348
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.8	12.546.944.689	14.193.563.397
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.9	739.545	1.223.783
319	3. Phải nộp ngắn hạn khác	V.10	11.920.461.116	7.109.826.965
322	4. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.11	711.945.905	853.939.203
330	II. Nợ dài hạn		-	-
400	B- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		3.287.689.308.628	2.285.216.150.413
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.12	3.287.689.308.628	2.285.216.150.413
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		3.287.503.815.798	2.285.123.264.594
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		65.182.579	65.182.579
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		120.310.251	27.703.240
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối kỳ trước		-	-
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		120.310.251	27.703.240
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)		3.312.869.399.883	2.307.374.703.761

Người lập biểu



LƯƠNG PHƯƠNG THẢO

Kế toán trưởng



TỪ LONG THUẬN

Trà Vinh, ngày 24 tháng 3 năm 2025



Chủ tịch



TÔ NGỌC BÌNH



CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TRÀ VINH

Địa chỉ: Ấp Long Bình B, đường Bạch Đằng, phường 4, Tp Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

DVT: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay			Năm trước
			Hoạt động công ích	Hoạt động kinh doanh	Cộng	
1	2	3	4	5	6	7
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	63.836.863.144	-	63.836.863.144	78.682.125.447
02	2. Các khoản giảm trừ		-	-	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		63.836.863.144	-	63.836.863.144	78.682.125.447
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	38.681.949.466	-	38.681.949.466	56.919.743.171
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		25.154.913.678	-	25.154.913.678	21.762.382.276
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	47.364.362	15.758.765	63.123.127	89.965.081
22	7. Chi phí tài chính		-	-	-	-
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-	-	-
25	8. Chi phí bán hàng		-	-	-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.4	25.202.278.040	-	25.202.278.040	21.818.492.637
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		-	15.758.765	15.758.765	33.854.720
31	11. Thu nhập khác		-	100.000.000	100.000.000	-
32	12. Chi phí khác		-	-	-	-
40	13. Lợi nhuận khác		-	100.000.000	100.000.000	-
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		-	115.758.765	115.758.765	33.854.720
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.9	-	23.151.754	23.151.754	6.770.944
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-	-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		-	92.607.011	92.607.011	27.083.776

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Trà Vinh, ngày 24 tháng 3 năm 2025

Chủ tịch

LƯƠNG PHƯƠNG THẢO

TỪ LONG THUẬN

TÔ NGỌC BÌNH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

ĐVT: VNĐ

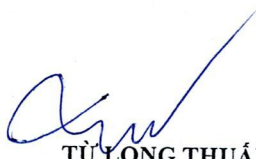
Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		115.758.765	33.854.720
	2. Điều chỉnh các khoản		306.734.240	163.015.228
02	- Khấu hao tài sản cố định	V.6; V.7	406.734.240	163.015.228
03	- Các khoản dự phòng	V.3	(100.000.000)	-
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		-	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		-	-
06	- Chi phí lãi vay		-	-
08	3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		422.493.005	196.869.948
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		5.543.294.964	(5.248.719.530)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		-	-
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		3.164.015.443	4.466.808.036
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		-	-
13	- Tiền lãi vay đã trả		-	-
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.9	(23.635.992)	(5.702.027)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		1.158.284.202	2.120.534.500
16	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(1.300.277.500)	(734.858.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		8.964.174.122	794.932.927
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	(1.253.907.000)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		-	-
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		-	(1.253.907.000)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		-	-
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		-	-
35	5. Tiền trả nợ thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	-
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		8.964.174.122	(458.974.073)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	V.1	20.527.088.404	20.986.062.477
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	V.1	29.491.262.526	20.527.088.404

Người lập biểu

Kế toán trưởng



LƯƠNG PHƯƠNG THẢO



TÚ LONG THUẬN



Trà Vinh, ngày 24 tháng 3 năm 2025

Chủ tịch


TÔ NGỌC BÌNH

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty TNHH MTV Quản lý Khai thác Công trình Thủy lợi Trà Vinh.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH MTV Quản lý Khai thác Công trình Thủy lợi Trà Vinh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp Nhà nước được chuyển đổi từ Công ty Quản lý Khai thác Công trình Thủy lợi Trà Vinh theo Quyết định số 314/QĐ-UBND ngày 13 tháng 03 năm 2009 của UBND tỉnh Trà Vinh.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2100234245 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Trà Vinh cấp ngày 26 tháng 03 năm 2009, và các giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là lần 09 thay đổi ngày 04 tháng 12 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Trà Vinh cấp.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Chuyên về quản lý, khai thác, xây lắp các công trình Thủy lợi.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Hoạt động công ích: Tổ chức quản lý, khai thác công trình và hệ thống công trình Thủy lợi trong tỉnh đảm bảo yêu cầu phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, trang trại, nuôi thủy sản và dân sinh trên địa bàn tỉnh. Cải tạo, duy tu, sửa chữa, nâng cấp các công trình hệ thống Thủy lợi được giao quản lý. Làm chủ đầu tư sửa chữa các công trình bằng nguồn vốn hỗ trợ sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi.

- Hoạt động sản xuất kinh doanh: Tư vấn, khảo sát thiết kế, lập dự án đầu tư các công trình Thủy lợi. Thi công các công trình Thủy lợi.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm, doanh thu hoạt động công ích giảm 19%, trong khi đó giá vốn hoạt động công ích giảm 32% do chi phí sửa chữa lớn giảm dẫn đến lợi nhuận gộp tăng 16% so với năm trước. Ngoài ra, trong năm Công ty có khoản thu nhập khác từ thu hồi nợ làm cho lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty tăng 242% so với năm trước.

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 136 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 131 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển vàng tiền tệ.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền, giá đích danh (đối với xe gắn máy) và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TRÀ VINH

Địa chỉ: Số 10, đường Bạch Đằng, ấp Long Bình, phường 4, Tp. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm khấu hao ước tính</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 12
Máy móc và thiết bị	06 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 – 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 06

Theo quy định tại Khoản 6, điều VII thông tư 73/2018/TT-BTC ngày 15 tháng 08 năm 2018 của Bộ Tài chính, các tài sản sau đây của Công ty khai thác công trình thủy lợi không phải trích khấu hao:

- Tài sản được xây đúc bằng bê tông và bằng đất của các công trình trực tiếp phục vụ tưới nước, tiêu nước.
- Máy bơm nước từ 8.000m³/giờ trở lên cùng với vật kiến trúc để sử dụng vận hành công trình.

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

7. Phải trả người lao động

Quỹ lương của người lao động và viên chức quản lý được tính theo Thông tư 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 9 năm 2016 và Thông tư 27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 9 năm 2016. Quỹ lương năm 2024 của người lao động duyệt theo Quyết định số 408/QĐ-CTCTTL ngày 26 tháng 09 năm 2024 do Chủ tịch Công ty phê duyệt và quỹ lương của viên chức quản lý theo Quyết định số 1852/UBND-KT ngày 19 tháng 04 năm 2024 được UBND tỉnh Trà Vinh phê duyệt.

Quỹ lương viên chức quản lý được phê duyệt trong năm: 1.332.000.000 đồng.

Quỹ lương người lao động được phê duyệt trong năm: 11.794.680.000 đồng.

8. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

9. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của chủ sở hữu.

10. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được chủ sở hữu phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Lợi nhuận được ghi nhận là nợ phải trả khi được chủ sở hữu phê duyệt.

11. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp các dịch vụ về thủy lợi

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

12. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, các chi phí khác được tính vào giá vốn.

13. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

- Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.
- Theo Điều 8, mục 2 của Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 06 năm 2014 của Bộ Tài chính thì thu nhập từ cung cấp dịch vụ tưới tiêu của doanh nghiệp được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Thu nhập từ nguồn miễn thủy lợi phí và thu nhập từ quản lý vận hành đều là dịch vụ công ích nên được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Các khoản thu nhập từ bán vật tư phục vụ sửa chữa công đập, thu nhập từ cung cấp dịch vụ xây lắp được áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% do tổng doanh thu của các hoạt động này dưới 20 tỷ theo quy định tại Thông tư 78/TT-BTC ngày 18 tháng 06 năm 2014 của Bộ Tài chính.
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp: 20%.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc giai đoạn tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

15. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TRÀ VINH

Địa chỉ: Số 10, đường Bạch Đằng, ấp Long Bình, phường 4, Tp. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐƠN VỊ TÍNH: VNĐ)**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	172.131.045	48.657.627
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (*)	29.319.131.481	20.478.430.777
Cộng	29.491.262.526	20.527.088.404

(*) Tiền gửi không kỳ hạn tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Trà Vinh.

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	194.393.000	(194.393.000)	194.393.000	(194.393.000)
Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Trà Vinh	181.027.000	(181.027.000)	181.027.000	(181.027.000)
Ban Quản lý dự án các dự án thủy lợi Trà Vinh	13.366.000	(13.366.000)	13.366.000	(13.366.000)
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	5.954.000	(5.954.000)	105.954.000	(105.954.000)
Các đối tượng khác	5.954.000	(5.954.000)	105.954.000	(105.954.000)
Cộng	200.347.000	(200.347.000)	300.347.000	(300.347.000)

3. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	380.000.000	-	7.007.211.907	-
Tô Ngọc Bình (*)	12.500.000	-	-	-
Lê Phước Dũng (*)	132.000.000	-	-	-
Nguyễn Văn Thành (*)	10.500.000	-	-	-
Dương Thị Bé Hai (*)	121.000.000	-	-	-
Từ Long Thuận (*)	104.000.000	-	-	-
Ngân sách Nhà nước (phải thu kinh phí tiền sửa chữa nhà làm việc công ty)	-	-	1.133.059.329	-
Ngân sách Nhà nước (hoạt động công ích năm 2023)	-	-	5.378.152.578	-
Ngân sách Tỉnh (cấp quỹ khen thưởng, phúc lợi)	-	-	496.000.000	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	97.815.997	-	46.958.383	-
Tạm ứng của nhân viên	7.147.321	-	6.958.383	-
Phải thu khác	90.668.676	-	40.000.000	-
Cộng	477.815.997	-	7.054.170.290	-

(*) Là khoản phải thu tiền lương tăng thêm và kinh phí công đoàn của viên chức quản lý năm 2024 Công ty đã chi vượt.

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TRÀ VINH

Địa chỉ: Số 10, đường Bạch Đằng, ấp Long Bình, phường 4, Tp. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

4. Nợ xấu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Các bên liên quan	194.393.000	-	194.393.000	-
Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn Trà Vinh	181.027.000	-	181.027.000	-
Ban Quản lý dự án các dự án thủy lợi Trà Vinh	13.366.000	-	13.366.000	-
Các tổ chức và cá nhân khác	5.954.000	-	105.954.000	-
Các đối tượng khác	5.954.000	-	105.954.000	-
Cộng	200.347.000	-	300.347.000	-

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu, cho vay khó đòi như sau:

	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	Cộng
Số đầu năm	(300.347.000)	-	(300.347.000)
Trích lập dự phòng bổ sung	-	-	-
Hoàn nhập dự phòng	100.000.000	-	100.000.000
Số cuối năm	(200.347.000)	-	(200.347.000)

5. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	29.438.381	(29.021.381)	29.021.381	(29.021.381)
Cộng	29.438.381	(29.021.381)	29.021.381	(29.021.381)

HẠN VẤN
T
HỖI MINH

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TRÀ VINH

Địa chỉ: Số 10, đường Bạch Đằng, ấp Long Bình, phường 4, Tp. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

6. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	2.281.564.951.893	821.198.091	726.387.489	99.398.600	2.283.211.936.073
Tăng trong năm (*)	1.003.513.610.533	-	-	-	1.003.513.610.533
- Do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bàn giao	338.013.205.462	-	-	-	338.013.205.462
- Do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bàn giao	610.591.352.906	-	-	-	610.591.352.906
- Do Công ty trực tiếp thực hiện các dự án đầu tư	54.909.052.165	-	-	-	54.909.052.165
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số cuối năm	3.285.078.562.426	821.198.091	726.387.489	99.398.600	3.286.725.546.606
Trong đó: Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.492.108.144	821.198.091	726.387.489	99.398.600	3.139.092.324
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số đầu năm	3.025.413.826	821.198.091	726.387.489	99.398.600	4.672.398.006
Tăng trong năm	155.952.840	-	-	-	155.952.840
- Khấu hao trong năm	155.952.840	-	-	-	155.952.840
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số cuối năm	3.181.366.666	821.198.091	726.387.489	99.398.600	4.828.350.846
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	2.278.539.538.067	-	-	-	2.278.539.538.067
Số cuối năm	3.281.897.195.760	-	-	-	3.281.897.195.760

(*) Theo quyết định số 814/QĐ-UBND ngày 14 tháng 05 năm 2024 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc điều chỉnh vốn điều lệ Công ty TNHH MTV Quản lý và Khai thác công trình thủy lợi Trà Vinh.

Trong đó: Nguyên giá của tài sản không phải trích khấu hao theo Thông tư 73/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 8 năm 2018 như thuyết minh ở mục IV.5 là 3.280.080.838.867 đồng.

7. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm quản lý	Tổng cộng
I. Nguyên giá		
1. Số dư đầu năm	1.253.907.000	1.253.907.000
2. Tăng trong năm	-	-
3. Giảm trong năm	-	-
4. Số cuối năm	1.253.907.000	1.253.907.000
II. Giá trị hao mòn lũy kế		
1. Số dư đầu năm	-	-
2. Tăng trong năm	250.781.400	250.781.400
3. Giảm trong năm	-	-
4. Số dư cuối năm	250.781.400	250.781.400

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TRÀ VINH

Địa chỉ: Số 10, đường Bạch Đằng, ấp Long Bình, phường 4, Tp. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

III. Giá trị còn lại

1. Tại ngày đầu năm	1.253.907.000	1.253.907.000
2. Tại ngày cuối năm	1.003.125.600	1.003.125.600

8. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	-	-
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	12.546.944.689	14.193.563.397
Công ty TNHH Đầu tư Công nghệ Xây dựng Tiến Đạt	1.649.823.559	-
Công ty TNHH Tư vấn XDTM Ngọc Minh	1.574.319.374	3.392.277.008
Công ty TNHH Cơ khí - Xây lắp và Thương mại Duy Kha	1.474.366.528	211.370.000
Các khách hàng khác	7.848.435.228	10.589.916.389
Cộng	12.546.944.689	14.193.563.397

Tại ngày 31/12/2024, Công ty không phát sinh nợ quá hạn thanh toán.

9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.223.783	-	23.151.754	(23.635.992)	739.545	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	26.037.864	(26.037.864)	-	-
Cộng	1.223.783	-	49.189.618	(49.673.856)	739.545	-

9a. Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

9b. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	115.758.765	33.854.720
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	115.758.765	33.854.720
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	23.151.754	6.770.944
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	-	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	23.151.754	6.770.944

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TRÀ VINH

Địa chỉ: Số 10, đường Bạch Đằng, ấp Long Bình, phường 4, Tp. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

10. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>9.501.436.856</i>	<i>5.657.193.553</i>
Tạm ứng ngân sách kinh phí hoạt động năm 2024	9.501.436.856	5.657.193.553
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<i>2.419.024.260</i>	<i>1.452.633.412</i>
Ký quỹ bảo hành công trình	2.343.872.360	1.377.481.512
Các khoản phải trả khác	75.151.900	75.151.900
Cộng	11.920.461.116	7.109.826.965

11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Tăng khác	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	656.054.046	-	541.225.434	(725.131.000)	472.148.480
Quỹ phúc lợi	39.635.157	-	541.225.435	(515.039.000)	65.821.592
Quỹ thưởng ban quản lý điều hành	158.250.000	-	75.833.333	(60.107.500)	173.975.833
Cộng	853.939.203	-	1.158.284.202	(1.300.277.500)	711.945.905

12. Vốn chủ sở hữu**12a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4
1. Số dư đầu năm trước	2.285.123.264.594	65.182.579	619.464	2.285.189.066.637
2. Tăng trong năm trước	-	-	27.083.776	27.083.776
- Lãi trong năm	-	-	27.083.776	27.083.776
3. Giảm trong năm trước	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm trước, đầu năm nay	2.285.123.264.594	65.182.579	27.703.240	2.285.216.150.413
5. Tăng trong năm nay	1.003.513.610.533	-	92.607.011	1.003.606.217.544
- Tăng do nhận bàn giao (*)	1.003.513.610.533	-	-	1.003.513.610.533
- Lãi trong năm	-	-	92.607.011	92.607.011
6. Giảm trong năm nay	1.133.059.329	-	-	1.133.059.329
- Giảm khác (*)	1.133.059.329	-	-	1.133.059.329
7. Số dư cuối năm nay	3.287.503.815.798	65.182.579	120.310.251	3.287.689.308.628

(*) Theo quyết định số 814/QĐ-UBND ngày 14 tháng 05 năm 2024 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc điều chỉnh vốn điều lệ Công ty TNHH MTV Quản lý và Khai thác công trình thủy lợi Trà Vinh.

12b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Toàn bộ vốn góp chủ sở hữu là của Ủy ban Nhân dân tỉnh Trà Vinh.

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TRÀ VINH*Địa chỉ: Số 10, đường Bạch Đằng, ấp Long Bình, phường 4, Tp. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.***THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐƠN VỊ TÍNH: VNĐ)**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Hoạt động công ích	63.836.863.144	78.682.125.447
Cộng (*)	63.836.863.144	78.682.125.447

Toàn bộ doanh thu công ích là doanh thu với bên liên quan.

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Hoạt động công ích	38.681.949.466	56.919.743.171
Cộng	38.681.949.466	56.919.743.171

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Toàn bộ là lãi tiền gửi tiền gửi thanh toán.

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	14.810.695.840	13.022.980.964
Chi phí vật liệu quản lý	149.738.879	173.210.712
Chi phí dụng cụ văn phòng	479.734.216	320.312.699
Chi phí khấu hao tài sản cố định	406.734.240	163.015.228
Thuế, phí và lệ phí	14.665.822	31.961.579
Chi phí dịch vụ mua ngoài	958.737.278	505.949.117
Chi phí khác	8.381.971.765	7.601.062.338
Cộng	25.202.278.040	21.818.492.637

5. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	39.311.422.561	57.413.266.582
Chi phí nhân công	15.833.295.840	13.022.980.964
Chi phí khấu hao tài sản cố định	406.734.240	163.015.228
Chi phí dịch vụ mua ngoài	958.737.278	505.949.117
Chi phí khác	7.374.037.587	7.633.023.917
Cộng	63.884.227.506	78.738.235.808

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Nợ tiềm tàng**

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính không có yếu tố nào cho thấy có thể phát sinh khoản nợ tiềm tàng mà Công ty có nghĩa vụ phải thanh toán.

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TRÀ VINH

Địa chỉ: Số 10, đường Bạch Đằng, ấp Long Bình, phường 4, Tp. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt (bao gồm Ban kiểm soát và Ban điều hành)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

Tiền lương	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
Nguyễn Văn Nguyễn	Chủ tịch Công ty (đến ngày 13/9/2023)	-	225.000.000
Tô Ngọc Bình	Chủ tịch Công ty (từ ngày 11/11/2024)	25.000.000	-
Lê Phước Dũng	Giám đốc	288.000.000	288.000.000
Lê Ngọc Nhiễm	Phó Giám đốc (đến ngày 14/06/2024)	84.000.000	252.000.000
Nguyễn Văn Thành	Phó Giám đốc (từ ngày 29/11/2024)	21.000.000	-
Dương Thị Bé Hai	Kiểm soát viên	264.000.000	264.000.000
Từ Long Thuận	Kế toán trưởng	228.000.000	228.000.000
Cộng		910.000.000	1.257.000.000

Số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tại ngày cuối năm, số dư với các thành viên chủ chốt được trình tại thuyết minh mục V.3.

2b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ủy ban Nhân dân tỉnh Trà Vinh	Chủ sở hữu
Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Trà Vinh	Cùng có cơ quan chủ quản là Ủy ban Nhân dân tỉnh Trà Vinh
Ban Quản lý dự án các dự án thủy lợi Trà Vinh	Cùng có cơ quan chủ quản là Ủy ban Nhân dân tỉnh Trà Vinh

Giao dịch với các bên liên quan khác

	Năm nay	Năm trước
Ủy ban Nhân dân tỉnh Trà Vinh		
- Cấp quỹ khen thưởng, phúc lợi năm cho Công ty	496.000.000	935.187.000
- Hoàn ứng tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2021	-	101.829.496
- Phân bổ quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2021, 2022	-	1.033.016.496
- Giảm vốn góp	1.133.059.329	-
- Doanh thu hoạt động công ích	63.836.863.144	78.682.125.447
- Công ty tạm ứng ngân sách công ích	73.338.300.000	79.020.000.000
- Công ty chuyển nộp trả kinh phí thừa	-	8.686.831.874

Số dư với các bên liên quan khác

Tại ngày cuối năm, số dư với các bên liên quan khác được trình tại thuyết minh mục V.2, V.10.

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TRÀ VINH

Địa chỉ: Số 10, đường Bạch Đằng, ấp Long Bình, phường 4, Tp. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

3. Báo cáo bộ phận

- Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Trong năm, lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là hoạt động công ích.

- Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Trong năm, toàn bộ hoạt động của Công ty là trên lãnh thổ Việt Nam.

4. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính không có yếu tố nào cho thấy có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Do vậy, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

5. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

Công ty không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Trà Vinh, ngày 24 tháng 3 năm 2025.

Người lập biểu



LƯƠNG PHƯƠNG THẢO

Kế toán trưởng



TỪ LONG THUẬN

Chủ tịch



TÔ NGỌC BÌNH